

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM Y TẾ TX ĐÔNG TRIỀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 242/TB-TTYT
“V/v thông báo nhu cầu mua sắm
túi nilon đựng rác thải y tế; hàng ấn phẩm
phục vụ chuyên môn cho Trung tâm Y tế TX
Đông Triều năm 2023”

Đông Triều, ngày 03 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm/nhà cung cấp

Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều có nhu cầu mua sắm túi nilon đựng rác thải y tế; hàng ấn phẩm phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2023 (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp những mặt hàng nêu trên gửi báo giá về địa chỉ: Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều - Phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh); Email: ttytdt.syt@quangninh.gov.vn.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 03/3/2023 đến hết ngày 13/3/2023.

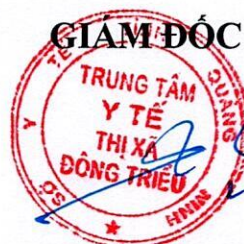
Hình thức nhận báo giá: Bằng văn bản giấy (đơn vị quan tâm có thể gửi trước file Scan bảng báo giá qua Email: ttytdt.syt@quangninh.gov.vn)

(Giá cụ thể của từng loại hàng hóa là giá hàng mới 100% đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác, giao hàng tại Trung tâm y tế thị xã Đông Triều)

Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- SYT Quảng Ninh (để đăng tải);
- Ban biên tập website TT;
- Lưu.



Lê Kỳ Trường

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

PHỤ LỤC DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo mời chào giá ngày 03/3/2023 của Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
I. DANH MỤC TÚI NILON ĐỰNG RÁC THẢI Y TẾ				
1	Túi nilon màu xanh 30 lít, có 2 quai, có in logo biểu tượng	Chất liệu: không nhựa PVC, Có 2 quai Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Xanh Kích thước: 44 x 70 cm In nhãn: "CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG" và biểu tượng chất thải thông thường.	Kg	247
2	Túi nilon màu vàng 30 lít, có 2 quai, có in logo biểu tượng	Chất liệu: không nhựa PVC, có 2 quai Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Vàng Kích thước: 44 x 70 cm In nhãn: "CHẤT THẢI LÂY NHIỄM" và biểu tượng cảnh báo chất thải lây nhiễm.	Kg	198
3	Túi nilon màu trắng 30 lít, có 2 quai, có in logo biểu tượng	Chất liệu: không nhựa PVC, có 2 quai Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Trắng Kích thước: 44 x 70 cm In nhãn: "CHẤT THẢI TÁI CHẾ" và biểu tượng chất thải tái chế	Kg	107
4	Túi nilon màu đen 30 lít, có 2 quai, có in logo biểu tượng	Chất liệu: không nhựa PVC, có 2 quai Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Đen Kích thước: 44x70 cm In nhãn: "CHẤT THẢI NGUY HẠI" và biểu tượng cảnh báo chất thải nguy hại.	Kg	6
5	Túi nilon màu xanh 80 lít, có in logo biểu tượng	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Xanh Kích thước: 60x115 cm. Gấp mép 15cm Kiểu túi: Túi phẳng đục lỗ, khâu dây rút từng túi In nhãn: "CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG" và biểu tượng chất thải thông thường.	Kg	234
6	Túi nilon màu vàng 80 lít, có in logo biểu tượng	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Vàng Kích thước: 60x115 cm. Gấp mép 15cm Kiểu túi: Túi phẳng đục lỗ, khâu dây rút từng túi In nhãn: "CHẤT THẢI LÂY NHIỄM" và biểu tượng cảnh báo chất thải lây nhiễm	Kg	10
7	Túi nilon màu xanh 30 lít, có 2 quai	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Xanh Kích thước: 44 x 70 cm	Kg	1329

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
8	Túi nilon màu vàng 30 lít, có 2 quai	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Vàng Kích thước: 44 x 70 cm	Kg	1023
9	Túi nilon màu trắng 30 lít, có 2 quai	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Trắng Kích thước: 44 x 70 cm	Kg	534
10	Túi nilon màu đen 30 lít, có 2 quai	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Đen Kích thước: 44 x 70 cm	Kg	14
11	Túi nilon màu xanh 80 lít	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Xanh Kích thước: 60x115 cm. Gấp mép 15cm Kiểu túi: Túi phẳng đục lỗ, khâu dây rút từng túi	Kg	1461
12	Túi nilon màu vàng 80 lít	Chất liệu: không nhựa PVC Độ dày túi: $\geq 0.1\text{mm}$. Màu sắc: Vàng Kích thước: 60x115 cm. Gấp mép 15cm Kiểu túi: Túi phẳng đục lỗ, khâu dây rút từng túi	Kg	41

II. DANH MỤC HÀNG ẨM PHẨM

1	Giấy khám sức khỏe trên 18 tuổi	Khổ A3 gấp đôi, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	4000
2	Giấy khám sức khỏe dưới 18 tuổi	Khổ A3 gấp đôi, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	500
3	Giấy khám sức khỏe lái xe	Khổ A3 gấp đôi, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	5000
4	Giấy cam đoan phẫu thuật, thủ thuật và GMHS	Khổ A4, in ngang 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	5000
5	Phiếu công khai thuốc	Khổ A4, in ngang 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	19000
6	Phiếu theo dõi chức năng sống	Khổ A4, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	37.000
7	Phiếu khám chữa bệnh theo yêu cầu	Khổ A4, in dọc 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	4100

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
8	Phiếu khám chuyên khoa	Khổ A5, in ngang 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	1500
9	Phiếu thủ thuật (Dùng cho bệnh nhân làm thủ thuật dài ngày)	Khổ A4, in ngang 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	2000
10	Phiếu tư vấn tiêm phòng vacxin viêm gan B	Khổ A4, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	300
11	Phiếu khảo sát ý kiến người bệnh ngoại trú	Khổ A4, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	500
12	Phiếu khảo sát ý kiến người bệnh nội trú	Khổ A4, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	500
13	Phiếu khảo sát ý kiến của nhân viên y tế	Khổ A4, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	800
14	Phiếu thủ thuật	Khổ A4, in dọc 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	2000
15	Đơn thuốc	Khổ A5, 100 tờ, in dọc 1 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	90
16	Sổ khám bệnh	Khổ A5, Bìa xanh, ruột 14 tờ, in dọc 2 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	19000
17	Sổ quản lý sức khỏe cán bộ	Khổ A4, 10 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	850
18	Sổ thường trực	Khổ A4, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	65
19	Sổ kiểm tra	Khổ A4, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	30
20	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Khổ A4, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	10
21	Sổ bàn giao y dụng cụ thường trực	Khổ A4, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	115

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
22	Sổ giao nhận đồ vải	Khổ A4, 70 tờ, in ngang 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	55
23	Sổ biên bản hội chẩn	Khổ A4, 40 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	15
24	Sổ bàn giao hồ sơ bệnh án	Khổ A5, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	10
25	Sổ bàn giao người bệnh chuyển khoa	Khổ A5, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	29
26	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện	Khổ A5, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	10
27	Sổ theo dõi hoạt động trang thiết bị y tế	Khổ A4, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	25
28	Sổ chỉ đạo tuyến	Khổ A4, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	15
29	Sổ thủ thuật	Khổ A4, 70 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	10
30	Sổ giao nhận bệnh phẩm	Khổ A4, 70 tờ, in ngang 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	40
31	Sổ trả kết quả xét nghiệm	Khổ A4, 70 tờ, in ngang 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	40
32	Bảng kiểm soát trước mổ	Khổ A5, in dọc 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	1500
33	Bảng theo dõi sử dụng giường bệnh số	Khổ A4, in ngang 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	1000
34	Túi đựng phim chụp Xquang	Kích thước 26x34cm, tai 3cm, dán giữa, giấy offset định lượng 100g/m ² , in 1 màu mực đen. (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Túi	22000
35	Túi đựng phim chụp cắt lớp vi tính	Kích thước 37x46cm, tai 4cm, dán cạnh, giấy offset định lượng 140g/m ² , in 1 màu mực xanh. (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Túi	2000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
36	Túi đựng phim chụp cộng hưởng từ	Kích thước 37x46cm, tai 4cm, dán cạnh, giấy offset định lượng 140g/m ² , in 1 màu mực xanh. (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Túi	1000
37	Phiếu khai thác tiền sử dị ứng	Khổ A4, in dọc 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	8000
38	Phiếu thang điểm đo nguy cơ té ngã morse	Khổ A4, in dọc 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	1000
39	Sổ theo dõi quản lý bệnh nhân HIV tại cộng đồng	Khổ A4, 40 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	10
40	Sổ theo dõi công tác truyền thông giáo dục sức khỏe	Khổ A4, 40 tờ, in ngang 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	20
41	Sổ giao ban chương trình phục hồi chức năng	Khổ A4, 40 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	18
42	Sổ giao ban cộng tác viên dân số	Khổ A4, 40 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	100
43	Sổ quản lý vacxin, bơm kim tiêm, hộp an toàn	Khổ A4, 40 tờ, in dọc 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	30
44	Sổ đẻ	Khổ A4, 50 tờ, in ngang 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	10
45	Sổ khám thai	Khổ A3, 50 tờ, in ngang 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	15
46	Sổ theo dõi tử vong	Khổ A4, 25 tờ, in ngang 2 mặt, Bìa trắng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Quyển	12
47	Phiếu hẹn khám thai	Khổ A4/3, in ngang 1 mặt, màu hồng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	1700
48	Phiếu khám thai	Khổ A4, in ngang 2 mặt, màu vàng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	1400
49	Phiếu thu thông tin v	Khổ A4, in ngang 1 mặt, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	1400

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
50	Tôm vàng	Khổ A4, in ngang 1 mặt, màu vàng, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	330
51	Tôm xanh	Khổ A4, in ngang 1 mặt, màu xanh, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	370
52	Tôm đỏ	Khổ A4, in ngang 1 mặt, màu hồng đậm, định lượng giấy 70g/m ² . (In theo mẫu hiện có của Trung tâm).	Tờ	70